

Bản án số: 23/2026/HSST

Ngày: 06/02/2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Thắng và ông Ngô Văn Sang.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông **Tô Tuấn D** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 08/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

Đỗ Hữu T, sinh ngày 10/02/1977, nơi cư trú: **thôn N, xã T, tỉnh Hưng Yên**; căn cước công dân số 034077008095; giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông **Đỗ Hữu N** (đã chết) và bà **Nguyễn Thị C**; vợ **Bùi Thị T1**, có 03 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Triệu tập có mặt tại phiên tòa.*

* *Bị hại:* Anh **Phạm Văn N1**, sinh ngày 02/6/2009; địa chỉ: **thôn C, xã T, tỉnh Hưng Yên** (vắng mặt).

* *Đại diện hợp pháp của bị hại:* Ông **Phạm Văn L**, sinh năm 1983; địa chỉ: **thôn C, xã T, tỉnh Hưng Yên** (có mặt).

* *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại:* Bà **Trần Thị Hà P** – Trợ giúp viên pháp lý, **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H** (có mặt).

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà **Bùi Thị T2**, sinh năm 1977; địa chỉ: **thôn T, xã T, tỉnh Hưng Yên** (có đơn đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 10 phút ngày 23/4/2025, tại trục **đường Đ** thuộc địa phận **thôn B, xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình (nay là thôn B, xã T, tỉnh Hưng Yên)**, anh **Phạm Văn N1**, sinh ngày 02/6/2009, trú tại **thôn C, xã T, tỉnh Hưng Yên**,

điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17B6 - 714.87 không có giấy phép lái xe theo quy định, đi với vận tốc khoảng từ 59,07 đến 64,98km/h theo hướng từ xã T (cũ) đi xã D (cũ), lúc này phía trước ngược chiều có Đỗ Hữu T, sinh năm 1977, trú tại thôn N, xã T, tỉnh Hưng Yên điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17B6 - 445.60 có giấy phép lái xe theo quy định, trong cơ thể có nồng độ cồn 0,304 mg/l khí thở, do không chú ý quan sát, không nhìn phía trước ngược chiều có xe của N1 đang đi đến, không bật đèn tín hiệu xin chuyển hướng, T điều khiển phương tiện với vận tốc khoảng từ 9,28 đến 9,99km/h chuyển hướng sang bên trái đường để quay đầu xe, khi còn cách xe của Thượng 14,3m trên phần đường của N1 thì N1 phanh gấp làm đuôi xe của N1 rê về phía trước theo chiều từ trái sang phải, do đó đuôi ốp kim loại bảo vệ trục xích và bên trái bánh sau xe của N1 đã va chạm với trục đề chân phía trước bên phải xe của T làm xe mô tô của N1 bị đổ cả xuống đường, N1 bị hất văng khỏi xe, đầu và cơ thể đập xuống lề bê tông bên phải theo chiều đi của N1. Hậu quả xe mô tô do N1 điều khiển bị hư hỏng nhẹ, N1 bị thương được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ, tỉnh Hưng Yên, cùng ngày chuyển lên Bệnh viện H để cấp cứu với đa chấn thương vùng đầu mặt và cổ gây sây sát rách da; đụng dập tụ máu nhu mô não thùy trán hai bên; chảy máu dưới nhện; vỡ xương đỉnh phải lan xuống chẩm trái; chấn thương vai phải, tay phải và hai chân gây sây sát và rách da; gãy 1/3 giữa thân xương đùi trái, điều trị đến ngày 05/5/2025 thì xuất viện. Ngày 08/7/2025 N1 tiếp tục nhập Bệnh viện H để phẫu thuật giải phóng chèn ép thần kinh chày, mức T đoạn 1/3 giữa đùi trái, ngày 11/7/2025 xuất viện.

Tại Bản kết luận giám định số 24/2025/KLTTCT-TTPY&GDPY ngày 06/8/2025 của Trung tâm pháp y và giám định y khoa – Sở y tế tỉnh H kết luận đối với tổn thương cơ thể trên người sống Phạm Văn N1: Đa chấn thương vùng đầu mặt và cổ gây sây sát rách da; đụng dập tụ máu nhu mô não thùy trán hai bên; chảy máu dưới nhện; vỡ xương đỉnh phải lan xuống chẩm trái. Chấn thương vai phải, tay phải và hai chân gây sây sát và rách da; gãy 1/3 giữa thân xương đùi trái; tổn thương chèn ép dây thần kinh hông to bên phải. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phạm Văn N1 tại thời điểm giám định là 76%. Cơ chế hình thành thương tích là do dạng va đập và chà sát với vật cứng hoặc nền cứng gây nên.

* Bản cáo trạng số 77/CT-VKS-KV7 ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên truy tố bị cáo Đỗ Hữu Thượng về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

* Các vấn đề khác: + 02 xe mô tô biển kiểm soát 17B6 -714.87 và 17B6 - 445.60 cùng giấy tờ liên quan, kết quả điều tra, xác định vật chứng không còn ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại tài sản trên cho bị can Đỗ Hữu T và bà Bùi Thị T2.

+ Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 17B6 - 714.87 đang được bà Bùi Thị T2 quản lý, khi Bùi Quang T3 sinh ngày 26/10/2009 (con bà T2) tự ý lấy để chở Phạm Văn N1 đi chơi bà T2 không biết và khi N1 tự ý lấy xe đi thì T3 cũng không biết. Sau đó N1 điều khiển xe tham gia giao thông bị tai nạn, tại thời điểm

xảy ra vụ việc Thái 15 năm 05 tháng 28 ngày tuổi, do đó không xử lý trách nhiệm hình sự với bà T2 và T3.

+ Đối với hành vi điều khiển xe mô tô không có giấy phép lái xe của N1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H đã có thông báo và chuyển hồ sơ vụ việc cho Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh H để xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đỗ Hữu T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” và đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Hữu T từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại về việc bị cáo phải bồi thường số tiền 150.000.000 đồng, bị cáo đã bồi thường được 45.000.000 đồng, còn phải bồi thường 105.000.000 đồng. Bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bà Bùi Thị T2 số tiền 2.000.000 đồng do chiếc xe mô tô Honda Wave Alpha, biển kiểm soát 17B6-714.87 của bà T2 bị hư hỏng.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Bà Trần Thị Hà P - Trợ giúp viên pháp lý, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày: Bà nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Đồng thời, bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo vì bị cáo đã bồi thường được một phần thiệt hại. Bà nhất trí với gia đình bị hại về việc đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và ăn năn hối hận, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại anh Phạm Văn N1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị T2 nhưng họ đã có lời khai đầy đủ. Sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, vì vậy

Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo **Đỗ Hữu T** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường do **Phòng C Công an tỉnh T** lập; Biên bản khám nghiệm phương tiện; Bản kết luận giám định số 24/2025/KLTTCT-TTPY&GDPY ngày 06/8/2025 của Trung tâm pháp y và giám định y khoa – **Sở y tế tỉnh H**; Giấy chứng nhận thương tích và bệnh án của **Bệnh viện H**; Kết luận giám định số 652/KL-KTHS ngày 27/6/2025 của **Phòng K Công an tỉnh T** đối với 01 đĩa CD-R lưu trữ 01 tập tin video ghi lại nội dung vụ tai nạn giao thông; Phiếu kết quả thổi nồng độ cồn của PC08 - **Công an tỉnh T**; Biên bản ghi lời khai của anh **Phạm Văn N1**, ông **Phạm Văn L**, anh **Bùi Quang T3**, bà **Bùi Thị T2**; cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 14 giờ 10 phút ngày 23/4/2025, tại trục **đường Đ** thuộc địa phận **thôn B, xã T, tỉnh Hưng Yên**, **Đỗ Hữu T** điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17B6 - 445.60 có giấy phép lái xe theo quy định, trong cơ thể có nồng độ cồn 0,304 mg/l khí thở, khi chuyển hướng rẽ trái để quay đầu xe đã thiếu chú ý quan sát, không bật đèn tín hiệu xin chuyển hướng, không làm chủ tốc độ hoặc dừng lại để đảm bảo an toàn, gây nguy hiểm cho **Phạm Văn N1** điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17B6 - 714.87 phía trước ngược chiều. Hậu quả làm **Phạm Văn N1** bị tổn thương cơ thể 76%.

Hành vi của bị cáo **Đỗ Hữu T** đã phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ:

Điều 9. Các hành vi bị nghiêm cấm

2. Điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn.

Điều 12. Chấp hành quy định về tốc độ và khoảng cách giữa các xe

3. Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải quan sát, giảm tốc độ hoặc dừng lại để bảo đảm an toàn trong các trường hợp sau đây:

c) Chuyển hướng xe chạy hoặc tầm nhìn bị hạn chế;

h) Tránh xe đi ngược chiều hoặc khi cho xe đi phía sau vượt; khi có tín hiệu xin đường, tín hiệu khẩn cấp của xe đi cùng chiều phía trước;

Điều 15. Chuyển hướng xe

2. Trước khi chuyển hướng, người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải quan sát, bảo đảm khoảng cách an toàn với xe phía sau, giảm tốc độ và có tín hiệu báo hướng rẽ hoặc có tín hiệu bằng tay theo hướng rẽ đối với xe thô sơ không có đèn báo hướng rẽ, chuyển dần sang làn gần nhất với

hướng rẽ. Tín hiệu báo hướng rẽ hoặc tín hiệu bằng tay phải sử dụng liên tục trong quá trình chuyển hướng. Khi bảo đảm an toàn, không gây trở ngại cho người và phương tiện khác mới được chuyển hướng.

3. Khi chuyển hướng, người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải nhường đường cho người đi bộ, xe thô sơ, xe đi ngược chiều và chỉ chuyển hướng khi không gây trở ngại hoặc nguy hiểm cho người, phương tiện khác.

Điều 17. Tránh xe đi ngược chiều

1. Trên đường không phân chia thành hai chiều xe chạy riêng biệt, hai xe đi ngược chiều tránh nhau, người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ và cho xe đi về bên phải theo chiều xe chạy của mình.

Điều 260. Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

b) Trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định;

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội thấy: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi điều khiển phương tiện giao thông đường bộ trong hơi thở có nồng độ cồn, khi chuyển hướng để quay đầu xe thiếu chú ý quan sát, không bật đèn tín hiệu xin chuyển hướng, không làm chủ tốc độ hoặc đảm bảo an toàn là vi phạm pháp luật về giao thông đường bộ nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự, an toàn giao thông, hậu quả gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ 76%.

Tại phiên tòa, bị cáo trình bày khi chuyển hướng để quay đầu xe, bị cáo có bật đèn tín hiệu xin chuyển hướng và quan sát trước sau không có xe nào đi tới bị cáo mới quay đầu xe. Tuy nhiên, theo kết quả trả lời của **Phòng K Công an tỉnh H** (bút lục 143) thể hiện khi xe mô tô bị cáo điều khiển chuyển hướng không thấy có đèn tín hiệu. Tại biên bản ghi lời khai (bút lục 236) bị cáo khai khi bắt đầu chuyển hướng bị cáo có quan sát không thấy ai đi tới, nhưng đến khi chuyển hướng đến giữa đường bị cáo chủ quan thiếu quan sát không thấy xe của **N1** đi tới. Bị cáo khẳng định việc lấy lời khai của bị cáo không bị ép cung, bị cáo khai hoàn toàn tự nguyện và đúng sự thật. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, có căn cứ để khẳng định việc bị cáo chuyển hướng để quay đầu xe khi không có đèn tín hiệu chuyển hướng, thiếu chú ý quan sát, không đảm bảo an toàn là vi phạm pháp luật về giao thông đường bộ và dẫn đến tai nạn.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, có bố để được tặng thưởng huân chương kháng chiến, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại một phần thiệt hại và gia đình bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo mới bồi thường được cho gia đình bị hại 45.000.000 đồng (chưa bồi thường được $\frac{1}{2}$ thiệt hại). Do đó, không có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại thống nhất thỏa thuận số tiền bồi thường là 150.000.000 đồng, bị cáo đã bồi thường được 45.000.000 đồng, còn phải bồi thường 105.000.000 đồng. Xét thấy, sự thỏa thuận giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

Chiếc xe mô tô Honda Wave Alpha, biển kiểm soát 17B6-714.87 của bà T2 do anh Phạm Văn N1 lấy đi, bị cáo đã gây ra tai nạn và làm hư hỏng xe. Bản kết luận định giá tài sản xác định chiếc xe bị thiệt hại 2.000.000 đồng. Do đó, cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Bùi Thị T2 số tiền trên.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật và án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải bồi thường, cụ thể: $5\% \times 107.000.000 = 5.350.000$ đồng.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đỗ Hữu T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Hữu T 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584; Điều 585; Điều 589; Điều 590 Bộ luật Dân sự, bị cáo Đỗ Hữu T phải bồi thường cho gia đình bị hại 105.000.000 đồng; bồi thường cho bà Bùi Thị T2 2.000.000 đồng.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016//UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Đỗ Hữu T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 5.350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Đỗ Hữu T, đại diện hợp pháp của bị hại ông Phạm Văn L, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 06/02/2025; bị hại anh Phạm Văn N1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại; đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người bảo vệ QLIHP của bị hại;
- VKSND khu vực 7 – Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 7 - Hưng Yên;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Huệ